

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 69/2022/DS-PT

Ngày: 29/9/2022

“V/v Tranh chấp ngõ đi chung”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thu Hương

Bà Lê Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về “tranh chấp ngõ đi chung”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QQD-PT ngày 15/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Vũ Văn L, sinh năm: 1948; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1951; có mặt.

Cùng trú tại: Thôn Y, xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn L: Ông Ma Văn G, sinh năm: 1993 và ông Quách Công Th, sinh năm: 1994; có mặt.

Trú tại: Số 69, ngõ 189 đường C, quận B, TP. Hà Nội

2. Bị đơn: - Ông Bùi Văn T - Sinh năm: 1964; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm: 1966; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn T: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; có mặt.

Cùng trú tại: Thôn Y, xã C huyện Th, Thanh Hóa

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

UBND xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng H - Chủ tịch UBND xã C; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Cẩm Lợi 2, xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị S và người được ủy quyền của ông L trình bày:

Ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S có thửa đất số 529, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.250m² tại thôn Y, xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hoá. Nguồn gốc thửa đất là vào ngày 10/9/1985, ông L và bà S nhận chuyển nhượng của ông Hà Ngọc L, tại thôn Cầu Đất (Nay là thôn Cẩm Lợi 2), xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 750m² với giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng), trên đất có một ngôi nhà tranh 02 gian. Ngày 10/12/1986, nhận chuyển nhượng tiếp của ông L một lô đất liền kề, diện tích 500m² với giá 6.000 đồng (Sáu nghìn đồng). Tổng diện tích sau hai lần chuyển nhượng của ông L là 1.250m². Sau đó ông, bà đã xây nhà cấp bốn và công trình phụ, sân vườn để ở. Năm 1989, ông Nguyễn Văn Đ (em trai của ông L) được cấp một lô đất đồi phía sau lô đất của gia đình ông L. Vì không có lối đi vào nhà, nên ông Đ đã mượn một phần diện tích đất của gia đình ông L để làm ngõ đi vào nhà. Ông Đ hứa sẽ hoàn trả lại ngõ khi không còn sử dụng; lối đi đó nằm dọc theo đất nhà ông L, trải dài theo đất nhà ông Th có chiều rộng 2m. Cùng năm 1989 có hộ ông T, bà Y cũng chuyển đến và xây dựng nhà ở phía sau lô đất ông Th (sau lô đất gia đình ông L, bà S). Gia đình ông T, bà Y đã cùng gia đình ông Đ sử dụng lối đi này nhưng không được sự đồng ý của gia đình ông L, bà S. Năm 1992, ông Đ chuyển đi nơi khác và giao lại phần diện tích lối đi chung này cho ông L, bà S. Thấy phía bên ông T, bà Y vẫn sử dụng lối này nên ông L, bà S đã đề nghị ông T, bà Y xuống trao đổi thỏa thuận về việc sử dụng lối đi này nhưng gia đình ông T, bà Y không hợp tác mà còn đe dọa, dùng vũ lực, phá hoại cây trồng, ngăn cản việc quản lý sử dụng đất của ông L, bà S. Năm 2014, ông L, bà S được UBND xã C thông báo ra nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), khi được tiếp cận với GCNQSDĐ thì diện tích đất nhà ông, bà bị thiếu, không đúng với hiện trạng đang quản lý, sử dụng. Lối đi chung xuất hiện trên phần đất của gia đình ông, bà mặc dù ông, bà không hiến đất. Khi tiến hành đo đạc, xác định mốc giới với các thửa đất liền kề không có sự tham gia của ông, bà dẫn đến việc sai sót trên. Ông L, bà S đã khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ không đúng hiện trạng, sai diện tích nhưng đến nay chưa được giải quyết thỏa đáng. Vì vậy ông L, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định Thửa đất số 529, tờ bản đồ số 18, diện tích khoảng 1.250m² tại địa chỉ Thôn Y, xã C, huyện

Th, tỉnh Thanh Hóa thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông, bà. Buộc ông T, bà Y phải trả lại toàn bộ diện tích đất sử dụng làm lối đi trên để ông, bà tiếp tục quản lý, sử dụng. Đề nghị cơ quan chức năng đính chính lại GCNQSDĐ đúng với thực tế cho gia đình ông, bà.

- Tại Giấy báo cáo đề ngày 08/11/2021 và bản tự khai ngày 15/11/2021, cũng như quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Từ năm 1985 ông, bà xin đất của xã để làm nhà, cán bộ xã là ông Kh và ông B lên cắt đất nhà ở cho gia đình ông T, bà Y gồm có cả đường đi từ đường cái to vào đến nhà. Khi cắt đất có anh Hà Văn S là con trai ông L, chủ đất đã cắt cho ông, bà và cắt cho cả nhà ông Đ, sau đó ông, bà làm nhà ở không có chuyện gì. Năm 1998, do gia đình ông L, bà S đào móng xây ra đường thì bắt đầu phát sinh tranh chấp. Ông T, bà Y đã viết giấy báo cáo lên xã để giải quyết nhưng không có kết quả. Năm 2019, hộ ông L, bà S tiếp tục xây lấn ra ngõ đi nên ông T, bà Y đã làm giấy báo cáo lên xã để giải quyết tiếp, hòa giải 03 lần vẫn không thành. Ông T, bà Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà S. Gia đình ông T đã được cấp GCNQSDĐ số CG 296033 ngày 22/11/2016, trong đó phần đất trên thuộc lối đi chung. Ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình ông, bà có đường đi như xưa vì lối đi chung này đã có từ năm 1985 và gia đình ông, bà cũng đã sử dụng từ đó tới nay.

- Tại Văn bản ngày 12/11/2021 của UBND xã C, huyện Th trình bày như sau: Căn cứ vào hiện trạng thực tế, quá trình sử dụng đất và nguồn gốc đất cũng như những căn cứ pháp lý khác của hai hộ gia đình thì hộ ông L, bà S và ông T, bà Y đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ trong đó đều thể hiện có ngõ đi chung và sử dụng ổn định, không ai có ý kiến gì cho đến khi phát sinh tranh chấp. Khi phát sinh tranh chấp UBND xã C đã tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc và cũng đã tiến hành đo đạc thực tế thì hộ ông L, bà S không thiếu đất, ông L, bà S cho rằng ngõ đi chung này là đất của gia đình ông, bà là không có cơ sở và chưa phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, nguồn gốc đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. UBND xã C xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 529, tờ bản đồ số 18, tại thôn Y, xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hoá được thể hiện tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản ngày 31/03/2022 (có sơ đồ kèm theo), đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của hộ ông L bà S và hộ ông T, bà Y.

* Tại Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

- Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 163, Điều 169, Điều 166, Điều 170, Điều 175, Điều 176 BLDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S về việc công nhận ngõ đi có tổng diện tích là 154,2m² là ngõ đi riêng của gia đình ông L, bà S (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm chịu chi phí thẩm định, định giá, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 13/6/2022, nguyên đơn ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S kháng cáo toàn bộ bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

* Tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 296033 ngày 22/11/2016, UBND huyện Th đã cấp cho hộ ông T. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Đối với nội dung kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 296033 ngày 22/11/2016, UBND huyện Thạch Thành đã cấp cho hộ ông Bùi Văn T. Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu nội dung này, vì vậy cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết.

- Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu bị đơn Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Y trả lại ngõ đi là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S làm theo đúng trình tự, thời hạn quy định tại các Điều 272, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S.

[2.1] Nguồn gốc thửa đất 529 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính xã C lập năm 2008. Ông L bà S khẳng định có diện tích là 1.250m² và có nguồn gốc từ việc gia đình ông L nhận chuyển nhượng của ông Hà Ngọc L (ngày 10/9/1985 nhận chuyển nhượng tích đất 750m², ngày 10/12/1986, nhận chuyển nhượng diện tích đất 500m²).

Tuy nhiên, tài liệu do ông L bà S cung cấp thì “Giấy nhượng nhà đất” viết ngày 10/9/1985 có ký tên Hà Ngọc L (Bút lục 17) chỉ là bản phô tô, không có xác nhận của chính quyền địa phương, không thể hiện diện tích đất bao nhiêu, thửa đất nào. “Giấy nhượng vườn” viết ngày 10/12/1986 có ký tên Hà Ngọc L (Bút lục 16) chỉ là bản phô tô, không có xác nhận của chính quyền địa phương, thể hiện chuyển nhượng mảnh vườn 500m², và cũng không thể hiện thửa đất nào. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S xuất trình bản gốc “Giấy nhượng nhà đất” viết ngày 10/9/1985 có ký tên Hà Ngọc L và “Giấy nhượng vườn” viết ngày 10/12/1986 có ký tên Hà Ngọc L; đối chiếu với hai bản phô tô bà S đã xuất trình có trong hồ sơ thì có nội dung trùng khớp, nhưng cả hai giấy này đều không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, vì vậy không có căn cứ xem xét. Bà S từ chối giao nộp hai bản gốc giấy tờ trên.

Ngoài ra nguyên đơn còn xuất trình “Đơn xin đất làm nhà” do bà Nguyễn Thị S là người làm đơn, có xác nhận của Cán bộ quản lý ruộng đất ngày 05/6/1986 với nội dung: đã giao cho bà Sơn 750m² đất và cũng là bản phô tô (Bút lục 15). Tại phiên tòa phúc thẩm bà S xuất trình bản gốc “Đơn xin đất làm nhà”; đối chiếu với bản phô tô bà S đã xuất trình có trong hồ sơ thì có nội dung trùng khớp và có thể hiện rõ nội dung xác nhận của cán bộ quản lý ruộng đất ông H: “Đã giao đất theo nguyện vọng của cô S, C.B.Q.L ruộng đất xã cùng HTX Y giao và đo cách mép sau nhà ở 22m và đăng trước giáp đường cái, bên phải giáp đường vào ông Th, trái giáp ông U tộ, DT 750m² (bảy trăm năm mươi mét vuông)” (Bà S cũng từ chối giao nộp giấy gốc đơn xin đất làm nhà).

Như vậy, với nội dung giao đất của cán bộ quản lý ruộng đất thì thể hiện bên phải giáp đường vào nhà ông Th. Ông L giải thích bên phải đất của gia đình ông giáp đường rào nhà ông Th có nghĩa là tường rào nhà ông Th là không phù hợp.

[2.2] Hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất của gia đình ông L và gia đình ông T:

Thửa đất số 529 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2008, diện tích 1.063m^2 của gia đình ông Vũ Văn L. Ngày 09/10/2009 UBND huyện Th đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông (bà) Vũ Văn L, diện tích 1.063m^2 đất.

Thửa đất số 574 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2008, diện tích 2.211m^2 của gia đình ông Bùi Văn T. Ngày 22/11/2016 UBND huyện Th đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Y.

Trong bản đồ địa chính đo vẽ năm 2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ngày 09/10/2009 UBND huyện Th đã cấp cho ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị S đều có diện tích 1.063m^2 và thể hiện ngõ đi chung là 140m^2 . Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Y được cấp ngày 22/11/2016 đối với thửa đất 574 cũng thể hiện có ngõ đi ra Tỉnh lộ 516.

Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành thì thửa đất 529 của gia đình ông L là 1.071m^2 , tăng so với diện tích đất gia đình ông L được cấp là 8m^2 , ngõ đi chung là $154,2\text{m}^2$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S kháng cáo yêu cầu buộc ông T, bà Y phải trả lại toàn bộ diện tích đất $154,2\text{m}^2$ cho gia đình ông L quản lý sử dụng, đây là ngõ đi riêng của gia đình ông L; xác định thửa đất số 529, tờ bản đồ số 18, diện tích khoảng 1.250m^2 tại địa chỉ Thôn Y, xã C huyện Th, tỉnh Thanh Hóa thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông L bà S và đề nghị cơ quan chức năng đính chính lại GCNQSDĐ đúng với diện tích thực tế cho gia đình ông bà là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông L, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết Buộc ông T, bà Y phải trả lại toàn bộ diện tích đất sử dụng làm lối đi chung để ông, bà tiếp tục quản lý, sử dụng; công nhận thửa đất số 529, tờ bản đồ số 18, diện tích khoảng 1.250m^2 tại địa chỉ ThY, xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông L bà S và đề nghị UBND huyện Th đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 09/10/2009 cho gia đình ông L theo đúng diện tích 1.250m^2 .

Cấp sơ thẩm xem xét thì không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L bà S buộc ông T bà Y trả lại phần diện tích $154,2\text{m}^2$ là ngõ đi chung cho ông L bà S. Vì vậy cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông L bà S về việc xác định thửa đất số 529, tờ bản đồ số 18, diện tích khoảng 1.250m^2 tại địa chỉ Thôn Y, xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông L bà S và đề nghị UBND huyện Th đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhưng tại bản án sơ thẩm chỉ tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S về việc công nhận ngõ đi có tổng diện tích là 154,2m² là ngõ đi riêng của gia đình ông L, bà S là chưa đầy đủ, cần phải sửa lời tuyên cho chính xác.

[3] Về án phí: Tại cấp phúc thẩm ông L bà S nộp đơn đề nghị miễn án phí. Xét thấy ông L bà S thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S.

Sửa lời tuyên của Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 163, Điều 169, Điều 166, Điều 170, Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S:

- Bác yêu cầu công nhận ngõ đi có tổng diện tích là 154,2m² là ngõ đi riêng của gia đình ông Vũ Văn L, bà Nguyễn Thị S.

- Bác yêu cầu về việc xác định thửa đất số 529, tờ bản đồ số 18, diện tích khoảng 1.250m² tại địa chỉ Thôn Y, xã C, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông L bà S và đề nghị cơ quan chức năng đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng với diện tích thực tế cho gia đình ông L, bà S là 1.250m².

3. Về án phí: Ông L, bà S được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị S theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0007418 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS,TA,THADS huyện Thạch Thành;
- Đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu